

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 56 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2024 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2024 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha và Công văn số 8051/UBND-KT ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha thực hiện năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

1. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 31 công trình, dự án với tổng diện tích công trình, dự án 93,58 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 33,08 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 2,40 ha.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn doanh nghiệp, đầu tư qua ngành và mời gọi đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 61 công trình, dự án với tổng diện tích công trình, dự án 844,73 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 177,56 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 1,75 ha.

(Đính kèm Phụ lục II)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, TN&MT;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

Phụ lục I

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024 CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ DƯỚI 20 HA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Vốn đầu tư công)**

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, TW PHÂN BỐ			83,09	24,07	2,40	1.110,52		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 02 công trình, dự án)			7,51	2,90		80,00		
1	Khu tái định cư dự án đầu tư, xây dựng công trình Cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (Khu tái định cư Cầu Rạch Miễu 2)	Xã Phước Thạnh	5,20	0,82			Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
2	Đại đội trình sát	Xã Mỹ Phong	2,31	2,08		80,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
II. Thị xã Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			10,30	6,04				
1	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	6,04			Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
III. Thị xã Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			25,12	7,54		92,42		
1	Đường Lộ Dây Thép (ĐT880B)	Xã Tân Hội	25,12	7,54		92,42	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
IV. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)			8,30	1,70		170,00		
1	Đê bờ Tây Nguyễn Tấn Thành	Các xã: Long Hưng, Đông Hòa	8,30	1,70		170,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
V. Huyện Tân Phước								
VI. Huyện Cai Lậy								
VII. Huyện Cái Bè (Có 01 công trình, dự án)			1,62	0,16		242,51		
1	Cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy	Xã Đông Hòa Hiệp	1,62	0,16		242,51	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
VIII. Huyện Chợ Gạo (Có 02 công trình, dự án)			12,81	0,37		140,00		
1	Khu hành chính huyện Chợ Gạo (Trụ sở làm việc UBND huyện, các phòng chức năng và hội trường)	Xã Long Bình Điền	12,10	0,30		100,00	Ngân sách tỉnh và Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
2	Đường tỉnh 879C	Xã Long Bình Điền	0,71	0,07		40,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)			4,66	4,66				
1	Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền)	Các xã: Vĩnh Hựu, Long Bình, Bình Tân	4,66	4,66			Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
X. Huyện Gò Công Đông (Có 03 công trình, dự án)			10,97		2,40	252,59		
1	Bến cập tàu Hải đội 2	Thị trấn Vàm Láng	0,09		0,04	10,00	Ngân sách Trung ương	Chuyển tiếp
2	Đường nối từ chợ đầu mối thủy sản Thị trấn Vàm Láng - đến Đường huyện 10	Thị trấn Vàm Láng	2,28		0,96	49,59	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
3	Đường giao thông phục vụ phát triển công nghiệp phía Đông	Các xã: Kiểng Phước, Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng	8,60		1,40	193,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			1,80	0,70		133,00		
1	Đường huyện 83, huyện Tân Phú Đông	Các xã: Tân Phú, Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân	1,80	0,70		133,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
13	Tổng số		83,09	24,07	2,40	1.110,52		
B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			10,49	9,01		154,30		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 02 công trình, dự án)			0,55	0,05		22,10		
1	Đường Đoàn Thị Nghiệp (Đoạn từ Đường tỉnh 870B đến Đường tỉnh 870)	Các xã: Trung An, Phước Thạnh	0,02	0,01			Ngân sách thành phố	Chuyển tiếp
2	Đường huyện 86B (đoạn từ kênh Nổi - đường huyện 87)	Xã Tân Mỹ Chánh	0,53	0,04		22,10	Ngân sách thành phố	Chuyển tiếp
II. Thị xã Gò Công (Có 02 công trình, dự án)			2,20	2,20				
1	Chợ Bình Đông	Xã Bình Đông	0,20	0,20			Ngân sách thị xã	Mới
2	Nghĩa trang nhân dân thị xã	Xã Tân Trung	2,00	2,00			Ngân sách thị xã	Mới
III. Thị xã Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)			4,10	3,40		55,00		
1	Khu tái định cư cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây	Xã Mỹ Phước Tây	2,00	1,45		35,00	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
2	Trụ sở Công an xã Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,20	0,20		1,00	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
3	Trường THCS Võ Việt Tân	Phường Nhị Mỹ	1,20	1,05		15,50	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
4	Trường TH và THCS Mỹ Hạnh Trung	Xã Mỹ Hạnh Trung	0,30	0,30		1,50	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
5	Trường TH và THCS Ấp Bắc	Xã Tân Phú	0,40	0,40		2,00	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
IV. Huyện Châu Thành								
V. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			0,29	0,29		24,50		
1	Mở rộng Trường Mầm non Tân Hòa Thành	Xã Tân Hòa Thành	0,29	0,29		24,50	Ngân sách huyện	Mới
VI. Huyện Cai Lậy (Có 03 công trình, dự án)			2,17	2,03		15,70		
1	Trường Mầm non Bình Phú	Thị trấn Bình Phú	0,50	0,50		4,50	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
2	Trường Tiểu học Bình Phú	Thị trấn Bình Phú	1,40	1,40		7,20	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
3	Trường Mầm non Mỹ Thành Bắc	Xã Mỹ Thành Bắc	0,27	0,13		4,00	Ngân sách huyện	Mới
VII. Huyện Cái Bè (Có 01 công trình, dự án)			0,60	0,60		30,00		
1	Khu hành chính xã Hậu Mỹ Bắc B	Xã Hậu Mỹ Bắc B	0,60	0,60		30,00	Ngân sách huyện	Mới
VIII. Huyện Chợ Gạo								
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)			0,12	0,12				
1	Nhà văn hóa ấp Bình Cách	Xã Yên Luông	0,12	0,12			Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
X. Huyện Gò Công Đông (Có 03 công trình, dự án)			0,46	0,32		7,00		
1	Trường Mầm non Tân Đông	Xã Tân Đông	0,16	0,16		1,00	Ngân sách huyện	Mới
2	Đường dẫn nước nối từ kênh 3 đến kênh Tám Vinh	Xã Tân Điền	0,10	0,10		2,00	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
3	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Tân Hòa	Thị trấn Tân Hòa	0,20	0,06		4,00	Ngân sách huyện	Mới
XI. Huyện Tân Phú Đông								
18	Tổng số		10,49	9,01		154,30		
31	TỔNG CỘNG		93,58	33,08	2,40	1.264,82		

Phụ lục II

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024 CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ DƯỚI 20 HA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**
(Vốn doanh nghiệp, đầu tư qua ngành, mời gọi đầu tư)

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH, MỜI GỌI ĐẦU TƯ			844,73	177,56	1,75	21.866,88		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 08 công trình, dự án)			318,59	29,95		6.681,81		
1	Khu đô thị Mỹ Hưng, thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	37,56	9,40		3.302,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
2	Khu đô thị mới phía Tây Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	52,80	7,60		1.500,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Đường Nguyễn Công Bình và Khu dân cư hai bên đường (đoạn từ đường Phạm Hùng đến ĐT.870)	Các xã: Trung An, Phước Thạnh	19,94	3,14		1.156,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
4	Dự án Khu dân cư Kinh đô Hùng Vương	Xã Trung An	9,68	1,00		608,81	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
5	Đường dây 110kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đước - Cần Đước 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho	Các xã: Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Đạo Thạnh, Phước Thạnh, Trung An, Phường 10	0,96	0,40			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
6	Trạm biến áp 110kV Tân Mỹ Chánh và đường dây đấu nối	Xã Tân Mỹ Chánh	0,65	0,41		75,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
7	Hoa viên Nghĩa trang thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	12,00	6,05		40,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
8	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	185,00	1,95			Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
II. Thị xã Gò Công (Có 18 công trình, dự án)			193,82	83,86		8.762,90		
1	Công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công	Xã Tân Trung	12,03	8,00			Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư Bình Đông	Xã Bình Đông	16,47	9,66		1.786,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Trạm 110 kV Soài Rạp và đường dây đấu nối	Các xã: Tân Trung, Bình Xuân	0,78	0,66		200,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
4	Lộ ra 110 kV Trạm 220 kV Gò Công	Các xã: Long Chánh, Bình Xuân	0,50	0,37		65,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
5	Đường và khu dân cư hai bên đường Kênh Bến Xe	Xã Long Hưng, Phường 3	14,14	5,64		560,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
6	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 1	Xã Long Hưng	10,88	7,26		440,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
7	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 2	Xã Long Thuận	9,10	7,95		1.771,70	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
8	Đường dây 110 kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đức - Cần Đức 110kV - Gò Công - trạm 220kV Mỹ Tho	Các xã: Long Chánh, Bình Xuân	0,51	0,51		366,00	Vốn vay AFD và vốn ngành điện	Chuyển tiếp
9	Trạm biến áp 220kV Gò Công và đường dây đầu nối Gò Công Cần Đức	Xã Bình Xuân	5,20	0,20		717,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
10	Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp	Phường 4	22,70	9,60		1.500,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
11	Mở rộng Công ty TNHH sản xuất trái cây Hùng Phát	Xã Long Hưng	0,88	0,58		125,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
12	Khu đô thị Phường 5	Phường 5	20,06	2,68		1.210,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
13	Khu đô thị Long Hưng	Xã Long Hưng	42,05	8,41			Mời gọi đầu tư	Mới
14	Khu đô thị Tân Thành	Xã Long Hoà	22,50	9,60			Mời gọi đầu tư	Mới
15	Khu dân cư hai bên đường Nguyễn Trọng Dân nối dài	Xã Long Chánh	10,90	7,80			Mời gọi đầu tư	Mới
16	Khu dân cư làng nghề Tân Trung	Xã Tân Trung	1,21	1,03		22,20	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
17	Khu dân cư Bảo Gia Phát	Xã Bình Đông	2,31	2,31			Vốn doanh nghiệp	Mới
18	Khu dân cư KLC Tân Trung	Xã Tân Trung	1,60	1,60			Vốn doanh nghiệp	Mới
III. Thị xã Cai Lậy (Có 03 công trình, dự án)			5,11	3,99		136,94		
1	Dự án xây mới chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư	Xã Tân Hội	4,24	3,12		133,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
2	Chợ Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	0,25	0,25		1,44	Vốn của chủ đầu tư và vốn vay	Mới
3	Khu dân cư Hoa Nam	Xã Tân Bình	0,62	0,62		2,50	Vốn doanh nghiệp	Mới
IV. Huyện Châu Thành (Có 09 công trình, dự án)			35,56	14,76		731,76		
1	Trạm biến áp 110kV Châu Thành và đường dây đầu nối	Các xã: Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng, Đông Hòa, Nhị Bình.	1,12	0,05		30,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
2	Trạm biến áp 220kV Tân Phước (Cái Bè) và các đường dây đầu nối.	Các xã: Tân Hương, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông.	1,16	0,25		11,76	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
3	Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	9,90	2,56		474,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
4	Mở rộng công viên nghĩa trang Vạn Phước Viên	Xã Tân Lý Đông	9,18	0,50		100,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
5	Cơ sở thu mua phế liệu	Xã Tân Lý Đông	0,28	0,28		3,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
6	Khu dân cư thương mại dịch vụ Bắc Kim Thang	Xã Tam Hiệp	4,02	4,02		10,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
7	Trung tâm đào tạo lái xe ô tô (Công ty cổ phần Vận tải ô tô Tiền Giang)	Xã Tam Hiệp	0,49	0,49		3,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
8	Khu dân cư Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp	9,36	6,56		100,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
9	Nhà trọ bà Lương Thị Mỹ Lý	Xã Tân Hương	0,05	0,05			Vốn doanh nghiệp	Mới
V. Huyện Tân Phước (Có 04 công trình, dự án)			56,12	8,21		1.353,00		
1	Công trình Trạm biến áp 220kV Tân Phước (Cái Bè) và đường dây đầu nối)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	5,50	1,40		689,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
2	Công trình Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Phước (Cái Bè) (Đường dây 4 mạch chuyển tiếp trên đường dây 2 mạch KCN Tân Phước 1 - Trạm 110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	0,19	0,18		11,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
3	Công trình Lộ ra Trạm 220kV Tân Phước (Cái Bè) (Đường dây 2 mạch chuyển tiếp vào đường dây Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	0,43	0,13		82,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
4	Cụm Công nghiệp Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	50,00	6,50		571,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
VI. Huyện Cai Lậy (Có 02 công trình, dự án)			94,29	9,80		3.154,48		
1	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Đông sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	46,02	5,50		1.460,11	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
2	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Tây sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	48,27	4,30		1.694,37	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
VII. Huyện Cái Bè (Có 01 công trình, dự án)			2,55	1,00		66,00		
1	Dự án Mở rộng khu dân cư chợ Thiên Hộ (giai đoạn 2)	Xã Hậu Mỹ Bắc A	2,55	1,00		66,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
VIII. Huyện Chợ Gạo								
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 07 công trình, dự án)			123,05	14,62		380,00		
1	Cụm công nghiệp Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	55,00	0,58			Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
2	Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu	Xã Vĩnh Hựu	38,00	4,20		380,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Đường dây điện 110kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đước - Cần Đước 110kV - Gò Công trạm 220kV Mỹ Tho	Các xã: Bình Phú, Thành Công, Yên Luông, Thạnh Trị, Đồng Thạnh, Bình Nhì, Thạnh Nhứt	1,22	1,22			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
4	Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông, Tiền Giang và đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV Tân Phú Đông, Tiền Giang	Các xã: Thành Công, Yên Luông, Bình Tân, Long Bình	0,67	0,07			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
5	Trạm biến áp 220 kV Gò Công và Đường dây đấu nối	Các xã: Bình Phú, Thành Công	0,62	0,62			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
6	Lộ ra 110kV trạm 220kV Gò Công	Xã Thành Công	0,04	0,04			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
7	Khu đô thị mới thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình	27,50	7,89			Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
X. Huyện Gò Công Đông (Có 08 công trình, dự án)			15,05	11,03	1,75	470,00		
1	Trang Trại Nông Nghiệp XPRO	Xã Phước Trung	1,29	1,19		20,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư ven sông Long Uông	Thị trấn Tân Hòa	10,46	6,70		220,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
3	Bến phà cao tốc Vàm Láng - Cần Giờ - Vũng Tàu	Thị trấn Vàm Láng	5,76		1,75	200,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
4	Trạm biến áp 110kV Gò Công Đông và đường dây đấu nối	Các xã: Tân Phước, Tân Tây, Gia Thuận	1,22	1,16			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
5	Hộ kinh doanh Minh Ngân Ecotourism Farm	Xã Tân Điền	0,46	0,46		5,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
6	Cửa hàng VLXD - TTNT Kim Hòa	Xã Kiểng Phước	0,46	0,46		3,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
7	Sân bóng đá Mini Tân Hòa	Thị trấn Tân Hòa	0,46	0,36		2,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
8	Khu dân cư ấp 7 Tân tây	Xã Tân Tây	0,70	0,70		20,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			0,59	0,34		130,00		
1	Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông và đường dây đấu nối Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,59	0,34		130,00	Vốn vay AFD (Vốn vay của Pháp)	Chuyển tiếp
61	Tổng số		844,73	177,56	1,75	21.866,88		